

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – NINH BÌNH**
Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: bà Tạ Thị Thế
ông Phạm Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Đặng Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình) về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 20/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: chị Mai Thị Minh V, sinh năm 1989. Địa chỉ trước khi sắp xếp đơn vị hành chính: xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là: xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An (chị V có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Phạm Đăng Q, sinh năm 1989. Địa chỉ trước khi sắp xếp đơn vị hành chính: xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nay là: xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2025, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn chị Mai Thị Minh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Mai Thị Minh V) kết hôn với anh Phạm Đăng Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2011 tại UBND xã Y, huyện Y. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm H Trên, xã Y, huyện Y. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh Q thường xuyên uống rượu say, không chịu khó làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình tác động, khuyên bảo nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Năm 2018, chị V đã khởi kiện xin ly hôn anh Q, tuy nhiên lúc đó con còn nhỏ và để anh Q có cơ hội sửa chữa chị V đã rút đơn về, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh Q, cuối

năm 2018 chị V đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là: xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh Q không quan tâm gì đến chị. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân nhau đã 07 năm, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đăng Q.

Về con chung: chị V xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị Q1, sinh ngày 10/5/2012. Khi ly hôn do cháu Q1 đang sinh sống cùng anh Q và học tập tại xã Đ, tỉnh Ninh Bình, nên chị V đề nghị anh Q trực tiếp và tiếp tục nuôi dưỡng cháu, chị V sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Đăng Q, nơi cư trú tại xóm H Trên, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q, anh Q và mẹ đẻ anh Q là bà Nguyễn Thị L đã nhận nhưng không ký xác nhận vào biên bản giao của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần cùng chính quyền địa phương đến nhà anh Q làm việc nhưng anh Q và gia đình không hợp tác, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, đồng thời Tòa án cũng ra thông báo yêu cầu anh Q cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Q không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2025 cháu Phạm Thị Q1 trình bày: cháu xác nhận bố mẹ cháu là Phạm Đăng Q và Mai Thị Minh V, trong cuộc sống bố mẹ các cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã không sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với bố, vì hiện tại cháu đang học tập, sinh sống ổn định cùng bố và bà nội, cháu rất mong Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2025, bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh Q) cung cấp: anh Q và chị V có đăng ký kết hôn năm 2011 và sinh sống tại xóm H Trên cùng với gia đình bà. Trong cuộc sống chị V không chăm lo cho gia đình. Năm 2016 anh Q và chị V vào Nghệ An sinh sống, làm ăn. Đến năm 2018 anh Q quay về xóm H Trên sinh sống với gia đình bà, nhưng không thấy chị V quay về, anh Q và chị V cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Bà L cũng đã khuyên bảo anh Q và chị V quay về ở với nhau nhưng không thành. Bà L được biết chị V đã có tình cảm với người khác, nên dẫn đến việc anh Q thường xuyên uống rượu và sinh ra tiêu cực; chị V lười làm ham chơi, không chăm lo cho gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Q và chị V có xảy ra cãi chửi nhau chứ không xảy ra xô sát lẫn nhau. Theo bà L được biết thì anh Q và bố mẹ đẻ chị V có xảy ra mâu thuẫn còn hai bên thông gia không có mâu thuẫn gì. Anh Q và chị V đã ly thân nhau được khoảng 5 năm nay không liên hệ gì với nhau. Trường hợp chị V vẫn quyết tâm ly hôn anh Q thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị V và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Thị Q1, sinh năm 2012. Hiện nay cháu Q1 đang ở cùng với gia đình bà và anh Q. Nếu anh chị ly

hôn thì gia đình và anh Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1 và yêu cầu chị V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Q theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: chị V và anh Q từ khi đăng ký kết hôn thì ở chung với gia đình bà, nên anh chị không có tài sản chung, còn về nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Lê Văn T - Phó Trưởng xóm H Trên cùng cấp: anh Q và chị V có đăng ký kết hôn năm 2011 và sinh sống tại xóm H Trên cùng với mẹ anh Q. Trong cuộc sống anh Q, chị V có xảy ra cãi chửi nhau. Năm 2016 anh Q và chị V vào Nghệ An sinh sống, làm ăn. Đến năm 2018 anh Q quay về xóm H Trên sinh sống với gia đình, nhưng không thấy chị V quay về, anh Q và chị V cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống anh Q thường xuyên uống rượu, chửi bới chị V, nên chị V đã nộp đơn lên Tòa án để xin ly hôn với anh Q. Về con chung: chị V và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Thị Q1, sinh năm 2012. Hiện nay cháu Q1 đang ở cùng anh Q và gia đình anh Q, về chỗ ăn ở thì nhà anh Q đảm bảo điều kiện sinh hoạt; cháu Q1 hiện đang học tập tại địa phương. Về tài sản chung và nợ chung: chị V và anh Q từ khi đăng ký kết hôn thì ở chung với mẹ đẻ anh Q nên anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Về công việc và thu nhập: do chị V sinh sống và làm ăn tại tỉnh Nghệ An (là quê chị V) nên địa phương không biết. Còn đối với anh Q, hiện anh Q là lao động tự do, chủ yếu làm thợ phụ xây dựng, nên thu nhập cũng tầm khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng một ngày công, ngoài ra anh Q vẫn làm thêm nông nghiệp theo mùa vụ. Do đó, thu nhập của anh Q đủ để đảm bảo sinh hoạt cho gia đình. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2025, UBND xã Đ, tỉnh Ninh Bình cùng cấp: căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP (áp dụng từ ngày 01/7/2024) kết hợp với danh mục cụ thể các xã áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/7/2025) dành cho tỉnh Ninh Bình: mức lương tối thiểu vùng theo tháng hiện tại xã Đ thuộc vùng III có mức lương tối thiểu là 3.860.000 đồng/tháng (tương đương 18.600 đồng/giờ).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Mai Thị Minh V ly hôn anh Phạm Đăng Q. Giao con chung là cháu Phạm Thị Q1, sinh ngày 10/5/2012 cho anh Q trực tiếp nuôi

dưỡng. Chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi; các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Đăng Q, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình) theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Minh V có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phạm Đăng Q, Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh Q. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/8/2025 anh Phạm Đăng Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 08/9/2025, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Phạm Đăng Q vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn chị Mai Thị Minh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị Minh V và anh Phạm Đăng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2011 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh Q và chị V không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến anh Q thường xuyên uống rượu say rồi về chửi bới chị V. Hiện chị V, anh Q đã sống ly thân được hơn 07 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Q đang sinh sống tại địa phương và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị V với anh, nhưng anh Q không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh Q làm việc, anh Q không hợp tác. Như vậy, giữa anh Q và chị V không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh Q không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện

pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Mai Thị Minh V được ly hôn anh Phạm Đăng Q là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị V, anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Thị Q1, sinh ngày 10/5/2012. Hiện nay cháu đang ở với anh Q tại xóm H Trên, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án, chị V có nguyện vọng đề nghị anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì cháu đang học tập, sinh sống ổn định cùng anh Q, chị V sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc với Tòa án, anh Q thông qua mẹ anh là bà L đã thể hiện nguyện vọng trường hợp vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1 và yêu cầu chị V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Hội đồng xét xử xét thấy đề xuất của chị V phù hợp với nguyện vọng của anh Q, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Q1, cần được tôn trọng, để cháu Q1 có môi trường phát triển một cách toàn diện cả về thể chất và tinh thần, cũng như sự ổn định về nơi ăn chốn ở, cần giao con chung là cháu Q1 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: tại bản tự khai bổ sung chị V xác định nếu cháu Q1 ở với anh Q chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh. Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí, nguyện vọng của cả hai bên.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Q không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Mai Thị Minh V và anh Phạm Đăng Q.
2. Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Thị Q1, sinh ngày 10/5/2012 cho anh Phạm Đăng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Mai Thị Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: chị Mai Thị Minh V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001585 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô (nay là: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Ninh Bình); chị V còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND KV2-NB;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Đồng Thái;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng